

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM THỦY  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 05/02/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi  
con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; Ông Dương Đình Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Bà Lê Thị Cẩm Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Phạm Hồng T**, sinh năm 1996; địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Mai D**, sinh năm: 1985; địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Võ Phạm Hồng T** trình bày: Chị và anh **Phạm Mai D** kết hôn với nhau ngày 09/02/2017, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **D** chơi bời, không lo làm ăn, gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh **Phạm Mai D**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu **Phạm Võ Gia B**, sinh ngày 03/8/2017. Cháu **B** hiện đang ở cùng chị **T**. Nay ly hôn chị **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Phạm Mai D**: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh **Phạm Mai D** bằng văn bản và điện tín cho **D** đến Tòa án làm việc, nhưng anh **D** vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày hay giao nộp cho Tòa các tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **D** theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã **C**: Chị **Võ Phạm Hồng T** và anh **Phạm Mai D** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam**. Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Phạm Võ Gia B**, sinh ngày 03/8/2017, hiện nay đang sống chung với chị **T**. Chính quyền địa phương không biết vợ chồng mâu thuẫn thế nào vì anh chị cũng không đề nghị hòa giải tại địa phương.

Bà **Mai Thị T1** là mẹ đẻ anh **D** cho biết: Chị **Võ Phạm Hồng T** và anh **Phạm Mai D** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam**. Chị **T** và anh **D**. Chị **T** và anh **D** kết hôn ở Thành phố Hồ Chí Minh sau đó hai vợ chồng làm việc tại đó, được một thời gian bà có nghe nói chị **T** và anh **D** có mâu thuẫn về kinh tế. Sau đó, chị **T** về quê sống cùng với bố mẹ đẻ, đến nay vợ chồng đã ly thân nhau. Thời gian chung sống chị **T** và anh **D** có 01 con chung là cháu **Phạm Võ Gia B**, sinh ngày 03/8/2017, cháu **B** đang ở cùng chị **T**. Bà đã thông tin cho anh **D** biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn nhưng anh **D** không đồng ý ly hôn. Bà **T1** có nguyện vọng nuôi cháu **B**.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị **T** được ly hôn anh **D**; Về con chung: Đề nghị giao cháu **Phạm Võ Gia B**, sinh ngày 03/8/2017 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **D** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị **T** phải chịu án phí DSST theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn anh **Phạm Mai D** có hộ khẩu thường trú tại **D, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị **Võ Phạm Hồng T** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh **Phạm Mai D**, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Giấy triệu tập giải quyết nhưng anh **D** vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà **Mai Thị T1** là mẹ đẻ của anh **D**. Qua xác minh với bà **T1** xác định bà đã thông báo và anh **D** biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết và triệu tập anh về làm việc, nhưng anh **D** không làm việc và không đồng ý ly hôn. Như vậy Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với anh **Phạm Mai D** đảm bảo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị **T**, anh **D**.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị **Võ Phạm Hồng T** và anh **Phạm Mai D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị **T** và anh **D** phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2019. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị **T** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu **Phạm Võ Gia B**, sinh ngày 03/8/2017. Chị **T** có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu **Phạm Võ Gia B** còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, mặc khác lâu nay cháu đang ở cùng chị **T**, anh **D** không có mặt, không có ý kiến đề nghị gì nên giao cháu **Phạm Võ Gia B** cho chị **T** nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị **T** và anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; ; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81;

Điều 82; Điều 83; Điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Võ Phạm Hồng T** được ly hôn anh **Phạm Mai D**.

2. Về con chung: Giao cháu **Phạm Võ Gia B**, sinh ngày 03/8/2017 cho chị **Võ Phạm Hồng T** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh **D** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **D** có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị **Võ Phạm Hồng T** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010517, ngày 07/8/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị **T** không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Chị **Võ Phạm Hồng T**; anh **Phạm Mai D** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện Cẩm Thủy;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Thị Dung**